

QUY TẮC VÀ ĐIỀU KHOẢN

BẢO HIỂM HỖ HỢP NGẮN HẠN ĐÓNG PHÍ MỘT LẦN

(Được chấp thuận theo Công văn số 3877/BTC-QLBH, ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Bộ Tài chính)

MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý ĐỐI VỚI KHÁCH HÀNG KHI THAM GIA SẢN PHẨM

▪ Quyền của khách hàng

1. Thời gian cân nhắc Điều 3

Bên mua bảo hiểm được phép hủy Hợp đồng trong vòng hai mươi một (21) ngày kể từ ngày nhận được Hợp đồng bảo hiểm để nhận lại Phí bảo hiểm đã đóng, không có lãi, sau khi đã trừ đi chi phí khám sức khỏe (nếu có).

2. Chấm dứt Hợp đồng Điều 14

Bên mua bảo hiểm có thể chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm bằng cách gửi thông báo bằng văn bản đến Công ty.

3. Quyền lợi bảo hiểm Điều 6

- Quyền lợi bảo hiểm khi tử vong hoặc Quyền lợi bảo hiểm khi bị thương tật toàn bộ và vĩnh viễn:

Thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng	
	3 năm	5 năm
Trong năm hợp đồng thứ nhất (01)	Một trăm phần trăm (100%) Số tiền bảo hiểm	Một trăm mười phần trăm (110%) Phí bảo hiểm đã đóng
Trong năm hợp đồng thứ hai (02)		Một trăm hai mươi phần trăm (120%) Phí bảo hiểm đã đóng
Từ năm hợp đồng thứ ba (03) trở đi		Một trăm phần trăm (100%) Số tiền bảo hiểm

- Quyền lợi bảo hiểm phụ trội tử vong do Tai nạn hoặc Quyền lợi bảo hiểm phụ trội thương tật toàn bộ và vĩnh viễn do Tai nạn: Năm mươi phần trăm (50%) Số tiền bảo hiểm.

- Quyền lợi đáo hạn: Một trăm phần trăm (100%) Số tiền bảo hiểm.

4. Yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm Điều 17

Khi xảy ra Sự kiện bảo hiểm, (những) Người thụ hưởng có thể yêu cầu Công ty giải quyết quyền lợi bảo hiểm. Các chứng từ cần thiết được quy định tại điều này.

▪ Trách nhiệm của khách hàng

1. Nghĩa vụ kê khai trung thực và thông báo thông tin Điều 11, Điều 12 và Điều 16

Bên mua bảo hiểm phải kê khai thông tin trung thực và thông báo đến Công ty khi có thay đổi các thông tin liên quan đến Hợp đồng. Việc cố ý kê khai không trung thực có thể dẫn đến rủi ro khách hàng không được Công ty giải quyết quyền lợi bảo hiểm của sản phẩm.

▪ Các điểm quan trọng khác cần lưu ý

1. Định nghĩa Điều 1

Bên mua bảo hiểm cần đọc kỹ các định nghĩa để hiểu rõ các thuật ngữ sử dụng trong Quy tắc và Điều khoản này.

2. Loại trừ Điều 7

Các trường hợp Công ty không giải quyết quyền lợi bảo hiểm được quy định tại điều này.

3. Vào thời điểm Công ty thực hiện chi trả theo Quy tắc và Điều khoản này, nếu Hợp đồng hiện tại có bất kỳ khoản tạm ứng và khoản giảm thu nhập đầu tư/lãi phát sinh chưa thanh toán nào, Công ty sẽ tiến hành khấu trừ các khoản này cùng với thuế thu nhập cá nhân theo luật định, nếu có, trước khi thực hiện chi trả.
4. Việc giao kết các hợp đồng bảo hiểm bổ trợ kèm theo các hợp đồng bảo hiểm chính không phải là điều kiện bắt buộc để duy trì hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm chính.

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA

- 1.1 Công ty:** là Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Cathay (Việt Nam), được Bộ Tài chính cấp Giấy phép thành lập và hoạt động số: 44GP/KDBH, được cấp ngày 21 tháng 11 năm 2007.
- 1.2 Bên mua bảo hiểm:** là tổ chức được thành lập và hoạt động hợp pháp tại Việt Nam, hoặc cá nhân từ đủ 18 tuổi trở lên hiện đang sinh sống tại Việt Nam, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; là bên trực tiếp kê khai, ký tên trên Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm, đóng Phí bảo hiểm và thực hiện các quyền và nghĩa vụ quy định trong Hợp đồng bảo hiểm.
- 1.3 Người được bảo hiểm:** là cá nhân có độ tuổi từ không (0) đến sáu mươi lăm (65) tuổi tính theo ngày sinh nhật vừa qua gần nhất trước Ngày hiệu lực hợp đồng, được Công ty chấp nhận bảo hiểm theo Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm bảo hiểm này.
- 1.4 Người thụ hưởng:** là cá nhân hoặc tổ chức được nhận quyền lợi bảo hiểm theo Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm này.
Người thụ hưởng được quy định như sau:
 - Trường hợp Bên mua bảo hiểm là tổ chức: Người thụ hưởng phải là Người được bảo hiểm hoặc người thừa kế hợp pháp của Người được bảo hiểm.
 - Trường hợp Bên mua bảo hiểm là cá nhân: Bên mua bảo hiểm chỉ định Người thụ hưởng (với sự đồng ý của Người được bảo hiểm hoặc người đại diện theo pháp luật của Người được bảo hiểm).
- 1.5 Bên được chuyển nhượng:** là cá nhân hoặc tổ chức được Bên mua bảo hiểm chuyển nhượng toàn bộ Hợp đồng theo Quy tắc và Điều khoản này và theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam vào thời điểm chuyển nhượng. Bên được chuyển nhượng và Người được bảo hiểm phải có quyền lợi có thể được bảo hiểm.
- 1.6 Tuổi bảo hiểm:** là tuổi của Người được bảo hiểm tính theo ngày sinh nhật gần nhất trước Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc Ngày kỷ niệm hợp đồng trong các Năm hợp đồng tiếp theo.
- 1.7 Thời hạn hợp đồng:** thời gian có hiệu lực của Hợp đồng bảo hiểm là ba (03) năm hoặc năm (05) năm kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng, được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm.
- 1.8 Thời hạn đóng phí:** Bên mua bảo hiểm đóng phí một lần.
- 1.9 Số tiền bảo hiểm:** là số tiền Công ty chấp thuận bảo hiểm theo Quy tắc và Điều khoản của sản phẩm và được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm và/hoặc tài liệu sửa đổi, bổ sung liên quan gần nhất (nếu có).
- 1.10 Phí bảo hiểm:** là khoản tiền mà Bên mua bảo hiểm có nghĩa vụ đóng cho Công ty theo thỏa thuận tại Hợp đồng bảo hiểm hoặc các sửa đổi, bổ sung liên quan gần nhất (nếu có).
- 1.11 Ngày hiệu lực:** Nếu Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm còn sống vào thời điểm Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm được Công ty chấp thuận, Ngày hiệu lực hợp đồng là ngày Bên mua bảo hiểm hoàn tất Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và nộp đủ Phí bảo hiểm tạm tính. Ngày hiệu lực hợp đồng được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm.
- 1.12 Ngày kỷ niệm:** là ngày kỷ niệm tương ứng hàng năm của Ngày hiệu lực hợp đồng trong suốt Thời hạn hợp đồng. Nếu năm không có ngày này thì ngày cuối cùng của tháng đó sẽ là Ngày kỷ niệm hợp đồng.
- 1.13 Ngày đáo hạn:** là ngày cuối cùng của Thời hạn hợp đồng được ghi trên Giấy chứng nhận bảo hiểm nếu Hợp đồng còn hiệu lực đến thời điểm đó.

- 1.14 Năm hợp đồng:** là một năm dương lịch kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc từ Ngày kỷ niệm hợp đồng.
- 1.15 Sự kiện bảo hiểm:** sự kiện dẫn đến yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm theo Quy tắc và Điều khoản này.
- 1.16 Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn:** là các loại thương tật và nguyên tắc xác định thương tật như quy định tại Phụ lục 1 - Bảng Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn của Quy tắc và Điều khoản này.
- 1.17 Tai nạn:** là một sự kiện hoặc một chuỗi sự kiện liên tục, khách quan, xảy ra do tác động của một lực, một vật bất ngờ từ bên ngoài, không chủ động và ngoài ý muốn lên cơ thể của Người được bảo hiểm. Sự kiện hoặc chuỗi sự kiện nêu trên phải là nguyên nhân trực tiếp, duy nhất và không liên quan đến bất kỳ nguyên nhân nào khác gây ra thương tật hoặc tử vong cho Người được bảo hiểm trong vòng 180 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện hoặc chuỗi sự kiện đó.
- 1.18 Giá trị hoàn lại:** là số tiền Bên mua bảo hiểm sẽ nhận được khi Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt trước thời hạn. Hợp đồng bảo hiểm có giá trị hoàn lại ngay sau khi Bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm. Công ty có trách nhiệm tính Giá trị hoàn lại phù hợp cơ sở kỹ thuật đã đăng ký với Bộ Tài chính. Công ty trình bày Giá trị hoàn lại ước tính vào Ngày kỷ niệm hợp đồng hàng năm tại Tài liệu minh họa bán hàng.

ĐIỀU 2: HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

- 2.1 Hợp đồng bảo hiểm:** là thỏa thuận bằng văn bản giữa Bên mua bảo hiểm và Công ty, trong đó ghi nhận quyền và nghĩa vụ của các bên trong quá trình thực hiện Hợp đồng.
- Hợp đồng bảo hiểm bao gồm các tài liệu sau:
- Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm;
 - Giấy chứng nhận bảo hiểm;
 - Quy tắc và Điều khoản sản phẩm bảo hiểm đã được Bộ Tài chính phê chuẩn;
 - Tài liệu minh họa bán hàng;
 - Các văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng bảo hiểm (nếu có).
- 2.2 Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm:** là hồ sơ yêu cầu bảo hiểm theo mẫu của Công ty, trong đó ghi các nội dung đề nghị tham gia bảo hiểm và thông tin do người đề nghị tham gia bảo hiểm cung cấp để Công ty đánh giá rủi ro, làm căn cứ chấp nhận bảo hiểm hoặc từ chối bảo hiểm. Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm do Bên mua bảo hiểm (và Người được bảo hiểm hoặc người đại diện theo pháp luật của Người được bảo hiểm) kê khai, ký tên và cung cấp cho Công ty.
- 2.3 Giấy chứng nhận bảo hiểm:** Công ty cấp cho Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm, trong đó thể hiện các thông tin cơ bản của Hợp đồng bảo hiểm, và là một phần không tách rời của Hợp đồng bảo hiểm.
- 2.4 Tài liệu minh họa bán hàng:** Là tài liệu minh họa về sản phẩm được cung cấp cho Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm, thể hiện các thông tin cơ bản về Hợp đồng bảo hiểm theo điều kiện, điều khoản bảo hiểm được thỏa thuận giữa Bên mua bảo hiểm và Công ty.

ĐIỀU 3: THỜI GIAN CÂN NHẮC

Trong vòng hai mươi mốt (21) ngày kể từ ngày nhận được Hợp đồng bảo hiểm, và với điều kiện là chưa xảy ra Sự kiện bảo hiểm hoặc chưa có yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm nào, Bên mua bảo hiểm có quyền từ chối không tiếp tục tham gia bảo hiểm bằng cách gửi văn bản thông báo đến Công ty. Công ty hoàn trả Phí bảo hiểm đã đóng, không có lãi, sau khi đã trừ đi chi phí khám sức khỏe (nếu có).

ĐIỀU 4: BẢO HIỂM TẠM THỜI

4.1 Thời gian bảo hiểm tạm thời

Thời hạn bảo hiểm tạm thời bắt đầu từ khi Bên mua bảo hiểm hoàn tất Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và đóng đủ Phí bảo hiểm tạm tính. Thời hạn bảo hiểm tạm thời sẽ kết thúc vào ngày Công ty cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc từ chối chấp nhận bảo hiểm hoặc Bên mua bảo hiểm đề nghị hủy bỏ Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm bằng văn bản, tùy ngày nào đến trước.

4.2 Quyền lợi bảo hiểm tạm thời

Nếu Người được bảo hiểm tử vong do tai nạn trong thời gian bảo hiểm tạm thời, Công ty sẽ chi trả giá trị nào nhỏ hơn giữa số tiền hai trăm (200) triệu đồng và tổng Số tiền bảo hiểm của các sản phẩm chính trên cùng một Người được bảo hiểm. Trong trường hợp tổng Phí bảo hiểm đã đóng lớn hơn số tiền nêu trên thì Công ty sẽ hoàn lại tổng Phí bảo hiểm đã đóng.

Khi Quyền lợi bảo hiểm tạm thời này được chi trả, Phí bảo hiểm đã đóng sẽ không được hoàn lại cho Bên mua bảo hiểm.

4.3 Loại trừ đối với bảo hiểm tạm thời

Công ty không chi trả Quyền lợi bảo hiểm tạm thời và hoàn lại toàn bộ Phí bảo hiểm đã đóng sau khi trừ đi chi phí xét nghiệm y khoa (nếu có), nếu Người được bảo hiểm tử vong trực tiếp do một trong các nguyên nhân sau:

- a) Hành động tự tử;
- b) Do hành vi cố ý của Bên mua bảo hiểm, Người thụ hưởng đối với Người được bảo hiểm;
- c) Bị ảnh hưởng do sử dụng trái phép ma túy, các chất gây nghiện, các chất kích thích tương tự ma túy hoặc sử dụng các thức uống có cồn vi phạm pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 5: BẢO HIỂM CÓ ĐIỀU KIỆN

Căn cứ vào kết quả thăm định Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm, Công ty có thể chấp thuận bảo hiểm với những điều kiện và thỏa thuận đặc biệt với Số tiền bảo hiểm/Quyền lợi bảo hiểm có điều chỉnh, Phí bảo hiểm có điều chỉnh hoặc điều chỉnh phạm vi trách nhiệm bảo hiểm.

ĐIỀU 6: QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

6.1 Quyền lợi bảo hiểm tử vong hoặc Quyền lợi bảo hiểm Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn

Trong thời gian Hợp đồng có hiệu lực, nếu Người được bảo hiểm tử vong hoặc bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn, Công ty sẽ chi trả Quyền lợi bảo hiểm tử vong hoặc Quyền lợi bảo hiểm thương tật toàn bộ và vĩnh viễn như sau:

Thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm	Thời hạn hợp đồng	
	3 năm	5 năm
Trong năm hợp đồng thứ nhất (01)	Một trăm phần trăm (100%) Số tiền bảo hiểm	Một trăm mười phần trăm (110%) Phí bảo hiểm đã đóng
Trong năm hợp đồng thứ hai (02)		Một trăm hai mươi phần trăm (120%) Phí bảo hiểm đã đóng
Từ năm hợp đồng thứ ba (03) trở đi		Một trăm phần trăm (100%) Số tiền bảo hiểm

Công ty chỉ chi trả một (01) lần duy nhất đối với Sự kiện bảo hiểm ở điều khoản này, hoặc là Sự kiện bảo hiểm tử vong hoặc là Sự kiện bảo hiểm bị thương tật toàn bộ và vĩnh viễn của Người được bảo hiểm, tùy sự kiện nào xảy ra trước.

Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực vào thời điểm xảy ra Sự kiện bảo hiểm tử vong hoặc thương tật toàn bộ và vĩnh viễn, tùy theo ngày nào đến trước.

6.2 Quyền lợi bảo hiểm phụ trội tử vong do Tai nạn hoặc Quyền lợi bảo hiểm phụ trội thương tật toàn bộ và vĩnh viễn do Tai nạn

Trong thời gian Hợp đồng có hiệu lực, nếu Người được bảo hiểm tử vong do Tai nạn hoặc bị thương tật toàn bộ và vĩnh viễn do Tai nạn, ngoài Quyền lợi bảo hiểm theo Điều 6.1, Công ty sẽ chi trả thêm Quyền lợi bảo hiểm phụ trội khi tử vong do Tai nạn hoặc Quyền lợi bảo hiểm phụ trội khi bị thương tật toàn bộ và vĩnh viễn do Tai nạn bằng năm mươi phần trăm (50%) Số tiền bảo hiểm.

Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực vào thời điểm xảy ra Sự kiện bảo hiểm tử vong hoặc thương tật toàn bộ và vĩnh viễn, tùy theo ngày nào đến trước.

6.3 Quyền lợi đáo hạn

Nếu Hợp đồng bảo hiểm vẫn có hiệu lực đến hết Ngày đáo hạn, thì Công ty sẽ chi trả Quyền lợi đáo hạn bằng một trăm phần trăm (100%) Số tiền bảo hiểm tại ngày kế tiếp ngay sau Ngày đáo hạn.

Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực kể từ sau Ngày đáo hạn.

ĐIỀU 7: ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ

7.1 Công ty sẽ không chi trả Quyền lợi bảo hiểm như quy định tại Điều 6.1 và Điều 6.2 nếu Sự kiện bảo hiểm xảy ra do:

7.1.1 Hành động tự tử trong vòng hai (02) năm kể từ Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc Ngày khôi phục hiệu lực hợp đồng gần nhất (nếu có);

7.1.2 Do hành vi cố ý của Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người thụ hưởng đối với Người được bảo hiểm. Trong trường hợp một hoặc một số Người thụ hưởng cố ý gây ra cái chết cho Người được bảo hiểm, Công ty chỉ trả quyền lợi bảo hiểm cho những Người thụ hưởng còn lại tương ứng với tỷ lệ hưởng thuộc về những Người thụ hưởng này. Nếu không có Người thụ hưởng, Công ty sẽ chi trả cho người thừa kế của Người được bảo hiểm; hoặc

7.1.3 Do hành vi cố ý của Người được bảo hiểm; hoặc

7.1.4 Tử vong do bị thi hành án tử hình;

- 7.1.5** Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải AIDS, các bệnh có liên quan đến AIDS hay do vi rút gây bệnh AIDS, ngoại trừ trường hợp nhiễm HIV trong khi đang thực hiện nhiệm vụ tại nơi làm việc như là một nhân viên y tế hoặc công an, cảnh sát;
- 7.1.6** Thương tật đã xảy ra từ trước Ngày hiệu lực hợp đồng hoặc trong thời gian Hợp đồng bị đình chỉ hoặc bị mất hiệu lực;
- 7.1.7** Chiến tranh (không hoặc có tuyên bố), nội chiến, hoặc các hình thức xung đột có vũ trang tương tự;
- 7.1.8** Lên, xuống, vận hành, phục vụ, hoặc đang được chở trên các thiết bị hoặc phương tiện vận chuyển hàng không trừ trường hợp khi Người được bảo hiểm, với tư cách là một hành khách, đi trên các chuyến bay thương mại với các lịch trình thường xuyên trên các tuyến đường đã được xác lập.
- 7.2** Ngoài các điều khoản loại trừ tại Điều 7.1, Công ty sẽ không chi trả Quyền lợi bảo hiểm như quy định tại Điều 6.2 nếu Sự kiện bảo hiểm xảy ra do:
- Người được bảo hiểm tham gia vào các các môn thể thao nguy hiểm, kể cả với tư cách là vận động viên chuyên nghiệp, ví dụ như: lặn có bình dưỡng khí, nhảy bungee, nhảy dù, leo núi, đua ngựa hay đua trên các phương tiện có bánh xe; hoặc Người được bảo hiểm tham gia thi đấu hoặc biểu diễn liên quan đến trận đấu về sức mạnh, ví dụ như: đấu vật, võ judo, karate, taewondo, cưỡi ngựa, đấu quyền anh hoặc biểu diễn nhào lộn.
- 7.3** Công ty không chi trả Quyền lợi bảo hiểm cho các trường hợp quy định tại Điều 7.1 và Điều 7.2. Trong trường hợp này, Bên mua bảo hiểm sẽ được nhận giá trị nào lớn hơn giữa Giá trị hoàn lại hoặc Phí bảo hiểm đã đóng (không có lãi), sau khi trừ đi chi phí xét nghiệm y khoa (nếu có), các khoản tạm ứng và Khoản giảm thu nhập đầu tư/lãi phát sinh chưa thanh toán (nếu có).
- Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực vào thời điểm xảy ra Sự kiện bảo hiểm tử vong hoặc thương tật toàn bộ và vĩnh viễn.

ĐIỀU 8: TẠM ỨNG TỪ GIÁ TRỊ HOÀN LẠI

8.1 Tạm ứng từ Giá trị hoàn lại

Nếu Hợp đồng bảo hiểm đã có Giá trị hoàn lại, Bên mua bảo hiểm có thể tạm ứng từ Giá trị hoàn lại. Trong mọi trường hợp, tổng số tiền tạm ứng không vượt quá tám mươi lăm phần trăm (85%) Giá trị hoàn lại. Công ty được phép tính Khoản giảm thu nhập đầu tư/lãi phát sinh đối với số tiền tạm ứng này.

8.2 Hoàn trả các khoản tạm ứng

Bên mua bảo hiểm có thể hoàn trả số tiền đã tạm ứng từ Giá trị hoàn lại và Khoản giảm thu nhập đầu tư/lãi phát sinh vào bất cứ lúc nào. Công ty sẽ trừ đi tổng số tiền tạm ứng và Khoản giảm thu nhập đầu tư/lãi phát sinh từ bất kỳ khoản tiền nào mà Công ty phải trả theo Hợp đồng bảo hiểm này.

Nếu tổng số tiền tạm ứng từ Giá trị hoàn lại, Khoản giảm thu nhập đầu tư/lãi phát sinh và bất kỳ khoản tiền nào khác mà Bên mua bảo hiểm còn nợ Công ty vượt quá Giá trị hoàn lại, Hợp đồng bảo hiểm sẽ bị mất hiệu lực. Trong trường hợp này, Bên mua bảo hiểm không được yêu cầu Công ty trả Giá trị hoàn lại của Hợp đồng bảo hiểm.

ĐIỀU 9: KHOẢN GIẢM THU NHẬP ĐẦU TƯ/LÃI PHÁT SINH

Khoản giảm thu nhập đầu tư/lãi phát sinh là số tiền thu nhập từ hoạt động đầu tư bị giảm do việc tạm ứng từ Giá trị hoàn lại. Khoản giảm thu nhập đầu tư/lãi phát sinh được tính bằng phần trăm của số tiền tạm ứng từ Giá trị hoàn lại dựa theo quy định của Công ty. Mức lãi suất áp dụng cho Khoản giảm thu nhập đầu tư/lãi phát sinh dựa trên lãi suất đầu tư thực tế của Quỹ chủ hợp đồng và điều chỉnh tăng không quá 2% và sẽ được công bố tại từng thời điểm trên website của Công ty.

ĐIỀU 10: KHÔI PHỤC HIỆU LỰC HỢP ĐỒNG

10.1 Khi Hợp đồng bị mất hiệu lực do các khoản tạm ứng cùng Khoản giảm thu nhập đầu tư/lãi phát sinh vượt quá Giá trị hoàn lại theo quy định tại Khoản 8.2, Bên mua bảo hiểm có thể yêu cầu khôi phục hiệu lực Hợp đồng nếu đáp ứng tất cả các điều kiện sau:

10.1.1 Bên mua bảo hiểm đưa ra yêu cầu khôi phục hiệu lực trong thời gian hai mươi bốn (24) tháng kể từ ngày Hợp đồng bị mất hiệu lực;

10.1.2 Bên mua bảo hiểm đóng tất cả khoản Tạm ứng từ Giá trị hoàn lại và Khoản giảm thu nhập đầu tư/lãi phát sinh chưa thanh toán;

10.1.3 Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm đủ điều kiện tham gia theo quy định tại Quy tắc và Điều khoản này.

10.2 Nếu được Công ty chấp thuận yêu cầu khôi phục hiệu lực Hợp đồng, thời điểm có hiệu lực của việc khôi phục này được tính từ ngày Công ty xác nhận chấp thuận việc khôi phục hiệu lực Hợp đồng bằng văn bản, với điều kiện cả Bên mua bảo hiểm và Người được bảo hiểm phải còn sống vào thời điểm Công ty chấp thuận khôi phục hiệu lực Hợp đồng. Công ty không bảo hiểm cho những Sự kiện bảo hiểm xảy ra trong thời gian Hợp đồng này bị mất hiệu lực.

ĐIỀU 11: TRÁCH NHIỆM KÊ KHAI, CUNG CẤP VÀ BẢO MẬT THÔNG TIN

11.1 Trách nhiệm cung cấp, giải thích đầy đủ, trung thực và chính xác thông tin cho Bên mua bảo hiểm của Công ty

11.1.1 Công ty có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm, giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm.

11.1.2 Trường hợp Công ty cố ý cung cấp thông tin sai sự thật nhằm giao kết Hợp đồng thì Bên mua bảo hiểm có quyền đơn phương đình chỉ thực hiện Hợp đồng bảo hiểm. Công ty phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Bên mua bảo hiểm do việc cung cấp thông tin sai sự thật.

11.2 Trách nhiệm kê khai thông tin trung thực, đầy đủ và chính xác của Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm

11.2.1 Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm có trách nhiệm kê khai đầy đủ và trung thực tất cả các thông tin cần thiết để Công ty đánh giá khả năng chấp nhận bảo hiểm cho Hợp đồng bảo hiểm này. Việc thăm định sức khỏe, nếu có, không thay thế cho nghĩa vụ kê khai trung thực của Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm theo quy định tại điều này.

11.2.2 Nếu Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm cố ý kê khai không trung thực các thông tin cần thiết theo yêu cầu của Công ty, theo đó, nếu với thông tin chính xác, Công ty

sẽ không chấp nhận bảo hiểm, thì Công ty không có trách nhiệm chi trả quyền lợi bảo hiểm nếu xảy ra Sự kiện bảo hiểm và có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng này ngay sau khi phát hiện ra hành vi vi phạm của Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm. Khi đó, Công ty sẽ hoàn trả cho Bên mua bảo hiểm Giá trị hoàn lại tương ứng tại ngày chấm dứt hiệu lực Hợp đồng, sau trừ đi các khoản tạm ứng và Khoản giảm thu nhập đầu tư/lãi phát sinh (nếu có).

11.2.3 Trong trường hợp Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm vi phạm nghĩa vụ kê khai thông tin tại Khoản 11.2.1 nhưng việc vi phạm này không làm ảnh hưởng tới quyết định chấp thuận bảo hiểm hoặc quyết định khôi phục hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm theo quy định của Công ty tại từng thời điểm, Công ty vẫn sẽ chi trả quyền lợi bảo hiểm nếu có Sự kiện bảo hiểm xảy ra theo Quy tắc và Điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm này.

11.2.4 Trong trường hợp Hợp đồng bảo hiểm tiếp tục duy trì hiệu lực, Công ty và Bên mua bảo hiểm có thể thỏa thuận về việc thu thêm khoản Phí bảo hiểm hoặc điều chỉnh Số tiền bảo hiểm giảm tương ứng với mức rủi ro (nếu có).

11.3 Trách nhiệm bảo mật thông tin khách hàng của Công ty

Công ty không được chuyển giao thông tin cá nhân do Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm cung cấp tại Hợp đồng bảo hiểm cho bất kỳ bên thứ ba nào khác, trừ các trường hợp sau đây:

11.3.1 Thu thập, sử dụng, chuyển giao theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc cho mục đích thẩm định, tính toán Phí bảo hiểm, phát hành Hợp đồng bảo hiểm, thu Phí bảo hiểm, tái bảo hiểm, trích lập dự phòng nghiệp vụ, giải quyết chi trả quyền lợi bảo hiểm, nghiên cứu thiết kế sản phẩm, phòng chống trục lợi bảo hiểm, nghiên cứu, đánh giá tình hình tài chính, khả năng thanh toán, mức độ đầy đủ vốn, yêu cầu vốn.

11.3.2 Các trường hợp khác được Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm đồng ý bằng văn bản, với điều kiện:

- Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm phải được thông báo về mục đích chuyển giao thông tin và được quyền lựa chọn giữa đồng ý hoặc không đồng ý với việc chuyển giao đó; và
- Việc Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm từ chối cho phép chuyển giao thông tin cho bên thứ ba ngoài Khoản 11.3.1 khoản này không được sử dụng làm lý do để từ chối giao kết Hợp đồng.

ĐIỀU 12: NHẦM LẤN KHI KÊ KHAI TUỔI, GIỚI TÍNH

Trường hợp nhầm lẫn khi kê khai ngày sinh hoặc giới tính của Người được bảo hiểm, Số tiền bảo hiểm hoặc tổng Phí bảo hiểm sẽ được điều chỉnh lại theo tuổi và/hoặc giới tính đúng. Cụ thể như sau:

12.1 Nếu Phí bảo hiểm đã nộp thấp hơn số Phí bảo hiểm tính theo tuổi và/hoặc giới tính đúng, Công ty sẽ (i) điều chỉnh lại Số tiền bảo hiểm tương ứng với số Phí bảo hiểm đã nộp và Bên mua bảo hiểm vẫn tiếp tục đóng Phí bảo hiểm theo mức Phí bảo hiểm cũ, hoặc (ii) yêu cầu Bên mua bảo hiểm đóng Phí bảo hiểm bổ sung tương ứng với Số tiền bảo hiểm đã thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm.

- 12.2** Nếu số Phí bảo hiểm đã nộp cao hơn số Phí bảo hiểm tính theo tuổi và/hoặc giới tính đúng, Công ty sẽ (i) hoàn lại cho Bên mua bảo hiểm phần Phí bảo hiểm nộp thừa, không có lãi, hoặc (ii) tăng Số tiền bảo hiểm đã thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm tương ứng với số Phí bảo hiểm đã đóng.
- 12.3** Nếu theo tuổi và/hoặc giới tính đúng, Người được bảo hiểm không thể được bảo hiểm thì Công ty có quyền hủy bỏ Hợp đồng bảo hiểm, trả cho Bên mua bảo hiểm số tiền lớn hơn giữa Giá trị hoàn lại và tổng Phí bảo hiểm đã đóng, không có lãi, của Hợp đồng bảo hiểm, sau khi trừ đi chi phí khám sức khỏe, các khoản tạm ứng và Khoản giảm thu nhập đầu tư/lãi phát sinh, nếu có.

ĐIỀU 13: MIỄN TRUY XÉT

- 13.1** Khi Người được bảo hiểm còn sống, các nội dung kê khai không chính xác hoặc bỏ sót trong Hồ sơ yêu cầu bảo hiểm và các giấy tờ có liên quan sẽ được Công ty miễn truy xét sau hai mươi bốn (24) tháng kể từ Ngày hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm hoặc kể từ ngày khôi phục hiệu lực Hợp đồng gần nhất.
- 13.2** Quy định trên sẽ không được áp dụng trong trường hợp Bên mua bảo hiểm/Người được bảo hiểm đã cố ý kê khai không trung thực những thông tin mà nếu biết được những thông tin đó, Công ty sẽ chỉ chấp thuận bảo hiểm có điều kiện hoặc từ chối chấp thuận bảo hiểm.

ĐIỀU 14: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực nếu xảy ra một trong các trường hợp sau, tùy trường hợp nào xảy ra trước:

- Hợp đồng bảo hiểm chấm dứt hiệu lực theo Điều 3, Điều 6, Điều 7.3, Điều 11.2.2, Điều 12.3 và Điều 16.2.3 của Quy tắc và Điều khoản sản phẩm này; hoặc
- Hợp đồng bảo hiểm mất hiệu lực trên 24 tháng liên tục; hoặc
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật; hoặc
- Bên mua bảo hiểm yêu cầu chấm dứt hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm. Trong trường hợp này, Bên mua bảo hiểm gửi thông báo bằng văn bản cho Công ty. Ngày chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm là ngày Công ty nhận được giấy yêu cầu chấm dứt hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm của Bên mua bảo hiểm. Công ty sẽ chi trả cho Bên mua bảo hiểm Giá trị hoàn lại tương ứng tại ngày chấm dứt hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm, sau trừ đi các khoản tạm ứng và Khoản giảm thu nhập đầu tư/lãi phát sinh (nếu có).

ĐIỀU 15: CHUYỂN NHƯỢNG HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

- 15.1** Trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và Người được bảo hiểm còn sống, Bên mua bảo hiểm có thể chuyển nhượng toàn bộ Hợp đồng bảo hiểm cho cá nhân khác hoặc tổ chức khác nếu việc chuyển nhượng phù hợp quy định tại Luật Kinh doanh Bảo hiểm, bên nhận chuyển nhượng phải đáp ứng yêu cầu về mối quan hệ có thể được bảo hiểm và đáp ứng các quy định của pháp luật liên quan tại thời điểm chuyển nhượng.
- 15.2** Việc chuyển nhượng Hợp đồng bảo hiểm chỉ có hiệu lực khi Bên mua bảo hiểm thông báo yêu cầu chuyển nhượng bằng văn bản và được Công ty chấp thuận và xác nhận việc chuyển nhượng đó bằng văn bản với điều kiện Bên được chuyển nhượng thỏa mãn các yêu cầu của Quy tắc và Điều khoản này và các quy định pháp luật liên quan.

- 15.3** Khi việc chuyển nhượng có hiệu lực, Bên được chuyển nhượng sẽ có toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm đối với Hợp đồng bảo hiểm. Tuy nhiên, Người được bảo hiểm của Hợp đồng bảo hiểm sẽ không thay đổi.
- 15.4** Công ty không chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của việc chuyển nhượng giữa Bên mua bảo hiểm và Bên được chuyển nhượng.

ĐIỀU 16: CÁC THAY ĐỔI TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

16.1 Thay đổi Người thụ hưởng

Trong thời gian Hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và Người được bảo hiểm còn sống, nếu được Người được bảo hiểm đồng ý bằng văn bản, Bên mua bảo hiểm có thể gửi yêu cầu thay đổi (những) Người thụ hưởng hoặc tộ thụ hưởng của mỗi Người thụ hưởng của Hợp đồng bảo hiểm cho Công ty. Việc thay đổi chỉ có hiệu lực khi Công ty chấp thuận và Công ty không chịu trách nhiệm về tính hợp pháp cũng như tranh chấp (nếu có) của Bên mua bảo hiểm hoặc những người liên quan đến việc chỉ định thay đổi Người thụ hưởng.

16.2 Thay đổi nghề nghiệp/nơi cư trú/ra khỏi lãnh thổ Việt Nam

16.2.1 Trường hợp Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm thay đổi thông tin liên hệ, thông tin cá nhân, nghề nghiệp, Bên mua bảo hiểm phải thông báo bằng văn bản cho Công ty trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày có thay đổi.

16.2.2 Nếu Người được bảo hiểm ra khỏi phạm vi lãnh thổ Việt Nam trong thời gian ba (03) tháng trở lên, Bên mua bảo hiểm phải thông báo bằng văn bản cho Công ty tối thiểu ba mươi (30) ngày trước ngày Người được bảo hiểm xuất cảnh.

16.2.3 Đối với các thay đổi nghề nghiệp hoặc ra khỏi lãnh thổ Việt Nam, Công ty có thể thẩm định lại rủi ro có thể được bảo hiểm. Trường hợp những thay đổi trên dẫn đến rủi ro bảo hiểm bị thay đổi thì Công ty có thể (i) xác định lại mức Phí bảo hiểm (ii) loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, (iii) giảm quyền lợi bảo hiểm, hoặc (iv) chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm. Nếu Công ty chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm, Công ty sẽ chi trả cho Bên mua bảo hiểm Giá trị hoàn lại tương ứng tại ngày chấm dứt hiệu lực Hợp đồng, sau khi trừ đi các khoản tạm ứng và Khoản giám thu nhập đầu tư/lãi phát sinh chưa thanh toán (nếu có).

ĐIỀU 17: THỨ TỰ GIẢI QUYẾT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM

17.1 Thứ tự ưu tiên nhận quyền lợi bảo hiểm

Công ty và Bên mua bảo hiểm (với sự đồng ý của Người được bảo hiểm hoặc người đại diện theo pháp luật của Người được bảo hiểm) thỏa thuận về thứ tự ưu tiên nhận quyền lợi bảo hiểm tại Hợp đồng bảo hiểm.

Trường hợp không có thỏa thuận, thứ tự ưu tiên nhận quyền lợi bảo hiểm sẽ như sau:

(1) Người thụ hưởng.

Nếu có hơn một Người thụ hưởng, quyền lợi bảo hiểm sẽ được chi trả cho những Người thụ hưởng theo tỷ lệ đã được chỉ định. Nếu một Người thụ hưởng không còn sống, phần quyền lợi bảo hiểm của người này sẽ được chia theo tỷ lệ đã được chỉ định cho (những) Người thụ hưởng còn lại;

Nếu Bên mua bảo hiểm không chỉ định tỷ lệ thụ hưởng thì quyền lợi bảo hiểm được chia đều cho tất cả (những) Người thụ hưởng còn sống.

(2) Người thừa kế hợp pháp của Người được bảo hiểm.

17.2 Thời hạn nộp yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm

Bên mua bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng có nghĩa vụ thông báo cho Công ty về Sự kiện bảo hiểm trong thời gian sớm nhất kể từ khi Bên mua bảo hiểm hoặc Người thụ hưởng biết được Sự kiện bảo hiểm và cung cấp các chứng từ theo quy định để giải quyết quyền lợi bảo hiểm.

Thời hạn nộp hồ sơ yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm tới Công ty tối đa là một (01) năm kể từ ngày xảy ra Sự kiện bảo hiểm, thời gian một (01) năm này không bao gồm thời gian trì hoãn do các trở ngại khách quan và sự kiện bất khả kháng.

17.3 Hồ sơ yêu cầu chi trả quyền lợi bảo hiểm

17.3.1 Các tài liệu cần cung cấp trong trường hợp giải quyết Quyền lợi đáo hạn, gồm:

- Giấy yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm theo mẫu của Công ty;
- Bản sao giấy tờ tùy thân của người nhận quyền lợi bảo hiểm (CMND/hoặc hộ chiếu/thẻ căn cước/giấy phép lái xe...);

17.3.2 Các tài liệu cần cung cấp trong trường hợp giải quyết Quyền lợi bảo hiểm tử vong hoặc Quyền lợi bảo hiểm phụ trội tử vong do Tai nạn, gồm:

- Giấy yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm theo mẫu của Công ty;
- Bảng chứng về sự kiện tử vong (Trích lục chứng tử và/hoặc biên bản Tai nạn, biên bản giải phẫu pháp y, kết luận điều tra Tai nạn của Công an/ Tòa án (nếu có trong trường hợp tử vong do Tai nạn), Hồ sơ bệnh án và chứng từ nằm viện để điều trị bệnh hoặc Tai nạn (nếu có) bao gồm; giấy ra viện, bệnh án, xét nghiệm, chứng từ liên quan...);
- Bản sao giấy tờ tùy thân hợp pháp của người nhận quyền lợi bảo hiểm (CMND/hoặc hộ chiếu/thẻ căn cước/giấy phép lái xe ...);
- Tài liệu chứng minh quyền được nhận quyền lợi bảo hiểm (nếu có) như giấy tờ chứng minh mối quan hệ với Người được bảo hiểm, văn bản thỏa thuận phân chia tài sản thừa kế.

17.3.3 Các tài liệu cần cung cấp trong trường hợp giải quyết Quyền lợi bảo hiểm Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn hoặc Quyền lợi bảo hiểm phụ trội thương tật toàn bộ và vĩnh viễn do Tai nạn, gồm:

- Giấy yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm;
- Bảng chứng về Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn (Kết quả giám định tình trạng thương tật do Hội đồng giám định Y khoa cấp tỉnh trở lên; và/hoặc biên bản Tai nạn, kết luận điều tra Tai nạn của Công an/ Tòa án (nếu có trong trường hợp thương tật do Tai nạn), hoặc tóm tắt/trích lục bệnh án của Bệnh viện/cơ sở y tế, Hồ sơ bệnh án và chứng từ nằm viện để điều trị bệnh hoặc Tai nạn (nếu có) bao gồm; giấy ra viện, bệnh án, xét nghiệm, chứng từ liên quan...);
- Bản sao giấy tờ tùy thân hợp pháp của người nhận quyền lợi bảo hiểm (CMND/hoặc hộ chiếu/thẻ căn cước/giấy phép lái xe...).

17.4 Nghĩa vụ chứng minh

Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ yêu cầu chi trả quyền lợi bảo hiểm, nếu Công ty từ chối chi trả quyền lợi bảo hiểm thì Công ty phải nêu rõ lý do từ chối bằng văn bản cho người yêu cầu giải quyết quyền lợi bảo hiểm.

17.5 Thời gian giải quyết quyền lợi bảo hiểm

Công ty sẽ chi trả quyền lợi bảo hiểm trong vòng năm (05) ngày làm việc đối với Quyền lợi đáo hạn và ba mươi (30) ngày làm việc đối với quyền lợi bảo hiểm khác kể từ ngày Công ty nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ.

Nếu việc trì hoãn chi trả quyền lợi bảo hiểm là do lỗi của Công ty thì Công ty sẽ trả lãi trên số tiền trả chậm theo mức lãi suất mà Công ty đang áp dụng cho các khoản tạm ứng từ Giá trị hoàn lại và được công bố tại website của Công ty.

ĐIỀU 18: ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

Tất cả các khoản tiền phải trả cho Công ty hoặc do Công ty chi trả đều được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam.

ĐIỀU 19: BẢO TỨC

Đây là Hợp đồng không tham gia chia lãi nên không có bảo tức hay bất kỳ khoản lãi nào.

ĐIỀU 20: THAY ĐỔI HỢP ĐỒNG

Bên mua bảo hiểm có nghĩa vụ thông báo các thay đổi liên quan đến các thông tin được kê khai trong Giấy yêu cầu bảo hiểm. Trừ khi được quy định khác đi trong Quy tắc và Điều khoản này, tất cả những thay đổi, bổ sung, hay hủy bỏ bất kỳ thông tin gì trong Hợp đồng đều chỉ có hiệu lực khi Bên mua bảo hiểm và Công ty đồng ý bằng văn bản.

ĐIỀU 21: KHẤU TRỪ CÁC KHOẢN TẠM ỨNG, KHOẢN GIẢM THU NHẬP ĐẦU TƯ/LÃI PHÁT SINH.

Vào thời điểm Công ty thực hiện chi trả theo Quy tắc và Điều khoản này, nếu Hợp đồng hiện tại có bất kỳ khoản tạm ứng và Khoản giảm thu nhập đầu tư/lãi phát sinh chưa thanh toán, Công ty sẽ tiến hành khấu trừ các khoản này cùng với thuế Thu nhập cá nhân trước khi thực hiện chi trả.

ĐIỀU 22: GIẢI QUYẾT Mâu THUẬN VÀ TRANH CHẤP

Mọi tranh chấp liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm này, nếu không giải quyết được bằng thương lượng giữa các bên thì một trong các bên sẽ đưa ra tòa án ở Việt Nam nơi Công ty có trụ sở chính hoặc nơi Bên mua bảo hiểm cư trú hợp pháp giải quyết phù hợp với quy định hiện hành.

Thời hạn khởi kiện là ba (03) năm kể từ thời điểm phát sinh tranh chấp.

PHỤ LỤC 1 – BẢNG THƯƠNG TẬT TOÀN BỘ VÀ VĨNH VIỄN

Thứ tự	Mức độ thương tật
1	<p>Người được bảo hiểm bị mất, liệt hoàn toàn và không thể phục hồi được chức năng của:</p> <ul style="list-style-type: none"> i) Hai (02) tay, hoặc; ii) Hai (02) chân, hoặc; iii) Một (01) tay và một (01) chân, hoặc; iv) Hai (02) mắt, hoặc; v) Một (01) tay và một (01) mắt, hoặc; vi) Một (01) chân và một (01) mắt. <p>Trong trường hợp này, mất hoàn toàn và không thể phục hồi được chức năng của (i) tay được tính từ cổ tay trở lên, (ii) chân được tính từ mắt cá chân trở lên, (iv) mắt được hiểu là mất hẳn mắt hoặc mù hoàn toàn.</p> <p>Việc chứng nhận Người được bảo hiểm bị mất hoàn toàn bộ phận cơ thể (tay, chân hoặc mắt) có thể được thực hiện ngay sau khi Sự kiện bảo hiểm xảy ra.</p> <p>Việc chứng nhận bị liệt hoàn toàn và không thể phục hồi chức năng của các bộ phận cơ thể phải được thực hiện không sớm hơn một trăm tám mươi (180) ngày kể từ ngày xảy ra Sự kiện bảo hiểm hoặc từ ngày bệnh lý được chẩn đoán xác định.</p>
2	Mất hoàn toàn khả năng nói (xem ghi chú 1) hoặc mất hoàn toàn khả năng nhai (xem ghi chú 2).
3	Tổn thương nghiêm trọng chức năng của hệ thần kinh trung ương hoặc chức năng của cơ quan ở ngực/bụng dẫn đến mất vĩnh viễn khả năng làm việc và phụ thuộc hoàn toàn vào sự giúp đỡ của người khác trong các sinh hoạt cần thiết hằng ngày để duy trì cuộc sống (xem ghi chú 3).
4	Thương tật từ 81% theo xác nhận của cơ quan y tế/Hội đồng giám định Y khoa cấp tỉnh trở lên.

Ghi chú:

1. “Mất khả năng nói” có nghĩa là bị một trong ba tình trạng sau:
 - (1) Không thể thực hiện được ba (03) trong bốn (04) chức năng (âm môi, âm răng, âm vòm, âm lưỡi gà) để tạo thành ngôn ngữ vẫn tiếp tục sau sáu (06) tháng.
 - (2) Cắt bỏ hoàn toàn dây thanh quản.
 - (3) Tổn thương các dây thần kinh điều khiển nói dẫn đến tình trạng mất ngôn ngữ vẫn tiếp tục sau sáu (06) tháng.
2. “Mất khả năng nhai” có nghĩa là tổn thương chức năng dẫn đến mất khả năng thực hiện hành động nhai vẫn tiếp tục sau sáu (06) tháng nhưng không phải do yếu tố về nha, và chỉ có thể nuốt được thức ăn lỏng.
3. “Phụ thuộc hoàn toàn vào người khác để thực hiện các sinh hoạt cần thiết hằng ngày để duy trì sự sống” có nghĩa là không thể tự thực hiện được bốn trong sáu hoạt động sau vẫn tiếp tục sau

sáu (06) tháng: (1) Vệ sinh cá nhân; (2) Thay quần áo; (3) Ăn/Uống; (4) Di chuyển từ giường sang ghế và ngược lại; (5) Đi tiêu/tiểu; (6) Di chuyển trên nền đất bằng.

4. Nguyên tắc áp dụng:

Công ty sẽ giải quyết quyền lợi bảo hiểm với điều kiện Người được bảo hiểm phải được cơ sở y tế có thẩm quyền xác nhận.

Trong trường hợp có sự khác biệt giữa định nghĩa/diễn giải trong Bảng Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn của Hợp đồng và chẩn đoán/giám định, Công ty có quyền yêu cầu Người được bảo hiểm tiến hành giám định mức độ thương tật bởi cơ sở y tế hoặc Hội đồng giám định y khoa cấp Tỉnh/Thành phố đạt tiêu chuẩn do Công ty chỉ định và kết quả giám định này là kết quả cuối cùng. Chi phí giám định (nếu có) sẽ do Công ty chi trả.

Nếu Người được bảo hiểm đồng thời bị từ hai (02) loại thương tật trở lên theo Bảng Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn, Công ty sẽ giải quyết quyền lợi bảo hiểm khi bị Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn cho một (01) loại thương tật.